

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
TRƯỜNG KINH TẾ  
KHOA KINH TẾ HỌC**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH KINH TẾ**

**Cần Thơ, tháng 8 năm 2023**

**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ**

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 2423/QĐ-ĐHCT ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình đào tạo ngành Kinh tế được mô tả như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kinh tế
Tên chương trình (tiếng Anh)	Economics
Mã số ngành đào tạo	7310101
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Kinh tế
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</li><li>- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);</li><li>- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.</li></ul>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhân viên/cán bộ quản lý kinh tế: có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức khác và các chương trình/dự án kinh tế - xã hội;</li><li>- Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh tế trong các lĩnh vực: phân tích và hoạch định chính sách (tiền tệ, tài chính, ngoại thương), thẩm định dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, tư</li></ul>

	<p>vấn quản trị chiến lược, nghiên cứu thị trường, tư vấn lao động, quản lý nhân sự; và</p> <p>- Nghiên cứu viên và cán bộ giảng dạy: có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục Cao đẳng, Đại học, và các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc như tham gia nghiên cứu và giảng dạy các học phần liên quan đến chuyên ngành kinh tế.</p>
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<p>- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế học hành vi, và kinh tế ứng dụng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh;</p> <p>- Đáp ứng được với các yêu cầu học tập ở các trình độ sau đại học trong lĩnh vực kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế ứng dụng, chính sách công và quản lý kinh tế và một số ngành kinh tế khác.</p>
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	<p>- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế học của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;</p> <p>- Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh tế đối ngoại của Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội;</p> <p>- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO, chuẩn đánh giá AUN.</p>
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	<p>- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.</p> <p>- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế đã được đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn của Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (AUN-QA) năm 2019.</p>
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 08 năm 2023

## 2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, đạt chất lượng trong lĩnh vực kinh tế học theo định hướng chuyên nghiệp. Sau khi hoàn thành chương trình học, người học lĩnh hội các kiến thức lý thuyết kinh tế nền tảng và có thể ứng dụng chúng trong thực tiễn công việc và nghiên cứu khoa học.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có:

- Phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức và có trách nhiệm với xã hội;
- Kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành;
- Kiến thức trong các lĩnh vực tài chính, quản lý kinh tế và cách thức sử dụng nguồn tài nguyên ở phạm vi vĩ mô cũng như vi mô; và
- Khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học - kỹ thuật mới nhằm tự nâng cao trình độ và thích nghi với sự phát triển của xã hội.

### **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

#### **3.1. Kiến thức**

##### **3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**

- a. Khái quát hóa chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; chính sách quốc phòng toàn dân và các vấn đề cơ bản của pháp luật Việt Nam;
- b. Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để phát triển chuyên môn.
- c. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

##### **3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

- a. Có kiến thức cơ bản về những nguyên lý kinh tế để phân tích và lý giải được các biến động của nền kinh tế nói chung, nắm bắt được các vấn đề chính sách liên quan đến tổng thể của nền kinh tế, giải thích được các vấn đề kinh tế trong doanh nghiệp;
- b. Có kiến thức cơ bản về thống kê, pháp luật kinh tế, phân tích định lượng trong lĩnh vực kinh tế học, tài chính, tiền tệ, kinh tế phát triển.

##### **3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

- a. Có kiến thức kinh tế học chuyên sâu, kinh tế tài nguyên, nắm vững và ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế;
- b. Có kiến thức về nội dung, phương pháp, kỹ thuật thu thập, xử lý và ghi nhận thông tin kinh tế của các đơn vị kinh tế và nền kinh tế vĩ mô; và
- c. Có kiến thức và mô hình kinh tế phân tích diễn biến và xu hướng vận động của các chỉ số kinh tế quan trọng của nền kinh tế.

#### **3.2. Kỹ năng**

##### **3.2.1. Kỹ năng cứng**

- a. Tiếp cận các khoa học chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan ở cấp độ phù hợp với trình độ đào tạo;
- b. Ứng dụng khoa học kinh tế trong giải quyết các vấn đề kinh tế cơ bản, phân tích sự vận động của nền kinh tế thông qua quan hệ cung cầu của cơ chế thị trường và qua chính sách điều hành vĩ mô của chính phủ;
- c. Thực hiện các công việc cơ bản về phân tích hành vi sản xuất, hành vi người tiêu dùng, phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích thị trường, phân tích tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; và
- d. Thu thập, phân loại, xử lý và tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và vĩ mô quan trọng của nền kinh tế.

##### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

- a. Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, lãnh đạo, tổ chức hoạt động, phát triển nhóm và làm việc chuyên môn trong nhóm;
- b. Kỹ năng giao tiếp: có chiến lược giao tiếp, biết cách tổ chức giao tiếp, có năng lực giao tiếp bằng văn bản, đa truyền thông, có khả năng thuyết trình và thu hút trong giao tiếp; và
- c. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học: có khả năng sử dụng ngoại ngữ, sử dụng thành thạo tin học văn phòng tương đương trình độ A và một số phần mềm kinh tế ứng dụng.

### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- a. Có phẩm chất chính trị: chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; quan điểm chính trị vững vàng, biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể - tổ chức và quốc gia;
- b. Có phẩm chất đạo đức cá nhân: có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp; có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sẵn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm, có khả năng phân tích tổng hợp phản biện, biết công nhận thành quả của người khác, biết chấp nhận thất bại và rút kinh nghiệm;
- c. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định của nghề nghiệp; luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp; và
- d. Có phẩm chất đạo đức xã hội: có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; biết trân trọng các giá trị đạo đức xã hội, các dân tộc; biết nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân đối với xã hội; tư cách, tác phong đúng đắn, chuẩn mực trong quan hệ xã hội; và biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

### **4. Tiêu chí tuyển sinh**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

## 5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

### 5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (2)	Chuẩn đầu ra (3)																		
	Kiến thức (3.1)								Kỹ năng (3.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)				
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)						
	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d
1.2a	X															X	X	X	X
1.2b		X		X	X	X													
1.2c					X	X	X	X	X	X	X	X							
1.2d			X										X	X	X				

### 5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																		
			Kiến thức (3.1)							Kỹ năng (3.2)							Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)				
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)							
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																					
1.	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	X																		X
2.	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	X																		X
3.	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	X																		X
4.	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	X																		X
5.	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	X																		X
6.	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			X											X					
7.	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			X											X					
8.	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			X											X					
9.	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			X											X					
10.	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			X											X					
11.	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			X											X					
12.	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)			X											X					
13.	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)			X											X					
14.	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			X											X					
15.	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			X											X					

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																					
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)									Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)									
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d			
16.	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)			X												X							
17.	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)			X												X							
18.	TN033	Tin học căn bản (*)		X													X							
19.	TN034	TT.Tin học căn bản (*)		X													X							
20.	ML014	Triết học Mác -Lênin	X															X						
21.	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X															X						
22.	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X															X						
23.	ML019	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	X															X						
24.	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X															X	X	X	X			
25.	KL001E	Pháp luật đại cương	X															X						
26.	TN010	Xác suất thống kê		X																				
27.	KT105	Toán kinh tế 1		X																				
28.	KT022	Kỹ năng giao tiếp		X											X	X								
29.	XH028	Xã hội học đại cương		X																	X			
30.	XH014E	Văn bản và lưu trữ đại cương		X									X											
31.	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		X																	X			
Khối kiến thức cơ sở ngành																								
32.	KT101	Kinh tế vi mô 1				X																		
33.	KT102	Kinh tế vĩ mô 1				X																		
34.	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế					X						X											
35.	KT106	Nguyên lý kế toán					X																	
36.	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế					X						X											
37.	KL369	Luật kinh tế					X																	
38.	KT107	Toán kinh tế 2					X																	
39.	KT113	Kinh tế lượng					X																	
40.	KT118E	Kinh tế học hành vi				X						X			X	X								
41.	KT115	Kinh tế phát triển				X																		
42.	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề													X	X								
43.	KT111	Tài chính - Tiền tệ				X																		
44.	KT330	Thuế				X																		
45.	KT341	Kế toán tài chính 1				X																		
46.	KT103	Quản trị học				X																		
Khối kiến thức chuyên ngành																								
47.	KT301	Kinh tế vi mô 2						X		X		X												
48.	KT302	Kinh tế vĩ mô 2						X		X		X												

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																					
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)									Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)									
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d			
49.	KT104	Marketing căn bản											X											
50.	KT319	Kinh tế tài nguyên						X		X														
51.	KT114	Kinh tế công cộng						X		X														
52.	KT303E	Kinh tế quốc tế								X			X											
53.	KT201	Quản trị dự án								X			X											
54.	KT306E	Kinh tế lao động						X				X	X											
55.	KT304	Kinh tế sản xuất						X				X	X											
56.	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế			X												X							
57.	KT310E	Phân tích chính sách kinh tế						X		X			X	X										
58.	KT270E	Lịch sử các học thuyết kinh tế																						
59.	KT134	Thực tập ngành Kinh tế							X		X	X	X	X	X	X								
60.	KT318	Kinh tế nông nghiệp						X		X														
61.	KT305	Kinh tế môi trường						X													X			
62.	KT204	Quản trị nguồn nhân lực						X		X														
63.	KT321	Nghiên cứu marketing							X	X				X										
64.	KT326	Tài chính công						X		X														
65.	KT308	Quản trị tài chính								X		X												
66.	KT205	Quy hoạch tuyến tính								X														
67.	KT329E	Thị trường chứng khoán								X			X											
68.	KT438	Chuyên đề kinh tế học						X	X	X	X	X	X	X	X	X								
69.	KT331	Luận văn tốt nghiệp Kinh tế						X	X	X	X	X	X	X	X	X								
70.	KT290	Tiểu luận tốt nghiệp Kinh tế						X	X	X	X	X	X	X	X	X								
71.	KT420E	Dự báo kinh tế								X		X												
72.	KT346	Quản trị chiến lược									X		X											
73.	KT284E	Kinh tế học quản lý						X		X			X											
74.	KT309	Tài chính quốc tế								X				X										



## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 2423/QĐ-ĐHCT ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình đào tạo ngành Kinh tế được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương : 47 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành : 35 tín chỉ (Bắt buộc: 29 tín chỉ; Tự chọn: 6 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành : 59 tín chỉ (Bắt buộc: 36 tín chỉ; Tự chọn: 23 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>										
1.	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2.	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3.	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành		
4.	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5.	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6.	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60				I,II,III
7.	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III
8.	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III
9.	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III
10.	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III
11.	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III
12.	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13.	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	I,II,III
14.	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	I,II,III
15.	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	I,II,III
16.	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	PV		45			FL007	I,II,III
17.	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	I,II,III
18.	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19.	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
20.	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
21.	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22.	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23.	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24.	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25.	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26.	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				I,II,III
27.	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				I,II
28.	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				I,II
29.	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
30.	XH014E	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31.	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
<b>Cộng: 47TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>										
32.	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				I,II
33.	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		KT101		I,II
34.	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010		I,II
35.	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
36.	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	2		30		KT108		I,II
37.	KL369	Luật kinh tế	2	2		30				I,II
38.	KT107	Toán kinh tế 2	2	2		30		KT105		I,II
39.	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT108		I,II
40.	KT118E	Kinh tế học hành vi	3	3		45				I,II
41.	KT115	Kinh tế phát triển	3	3		45		KT102		I,II
42.	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30				I,II
43.	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3		6	45				I,II
44.	KT330	Thuế	3			45				I,II
45.	KT341	Kế toán tài chính 1	3			45		KT106		I,II
46.	KT103	Quản trị học	3			45				I,II
Cộng: 35 TC (Bắt buộc 29 TC; Tự chọn: 6 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
47.	KT301	Kinh tế vi mô 2	3	3		45		KT101		I,II
48.	KT302	Kinh tế vĩ mô 2	3	3		45		KT102		I,II
49.	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				I,II
50.	KT319	Kinh tế tài nguyên	3	3		45		KT101		I,II
51.	KT114	Kinh tế công cộng	3	3		45		KT101		I,II
52.	KT303E	Kinh tế quốc tế	3	3		45		KT102		I,II
53.	KT201	Quản trị dự án	2	2		30				I,II
54.	KT306E	Kinh tế lao động	3	3		45				I,II
55.	KT304	Kinh tế sản xuất	3	3		45		KT101		I,II
56.	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế	3	3		45				I,II
57.	KT310E	Phân tích chính sách kinh tế	3	3		45		KT102		I,II
58.	KT270E	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2		30				I,II
59.	KT134	Kiến tập ngành Kinh tế	2	2			60			I,II
60.	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3		13	45		KT101		I,II
61.	KT305	Kinh tế môi trường	3			45		KT101		I,II
62.	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3			45				I,II
63.	KT321	Nghiên cứu marketing	3			45				I,II
64.	KT470	Tài chính công	3			45				I,II
65.	KT308	Quản trị tài chính	3			45				I,II
66.	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3			45		KT105		I,II
67.	KT329E	Thị trường chứng khoán	3			45				I,II
68.	KT438	Chuyên đề kinh tế học	2				60	KT109		I,II,III
69.	KT331	Luận văn tốt nghiệp - Kinh tế	10		10		300	≥ 105 TC		I,II,III
70.	KT290	Tiểu luận tốt nghiệp - Kinh tế	4				120	≥ 105 TC		I,II,III
71.	KT420E	Dự báo kinh tế	3			45		≥ 105 TC		I,II
72.	KT346	Quản trị chiến lược	3			45				I,II
73.	KT284E	Kinh tế học quản lý	2			30				I,II
74.	KT309	Tài chính quốc tế	3			45				I,II
Cộng: 59 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 23 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 97 TC; Tự chọn: 44 TC)										

### 3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
<b>Học kỳ 1 – Năm thứ 1</b>										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			SV học theo thời khóa biểu của Trường
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
6	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				
		<b>Cộng</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>75</b>			
<b>Học kỳ 2 – Năm thứ 1</b>										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			SV tự chọn
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				SV tự chọn
3	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
4	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
5	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	
6	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
7	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
8	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				
9	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>300</b>	<b>90</b>			
<b>Học kỳ 1 – Năm thứ 2</b>										
1	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30			SV tự chọn
2	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		SV tự chọn
3	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
4	ML016	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
5	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		KT101		
6	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010		
7	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
8	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30				
9	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML006		
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>15</b>	<b>4</b>	<b>315</b>	<b>30</b>			
<b>Học kỳ 2 – Năm thứ 2</b>										
1	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30			SV tự chọn
2	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		
3	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
4	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30				
5	XH014E	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				
6	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
7	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010		
8	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	2		30		KT108		
9	KL369	Luật kinh tế	2	2		30				
10	KT107	Toán kinh tế 2	2	2		30		KT105		
11	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT108		
12	KT118E	Kinh tế học hành vi	3	3		30	30			
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	<b>365</b>	<b>80</b>			
<b>Học kỳ 1 – Năm thứ 3</b>										
1	KT115	Kinh tế phát triển	3	3		45		KT102		
2	KT119	Phương pháp tư duy và KN giải quyết vấn đề	2	2		30				
3	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3		6	45				SV tự chọn
4	KT330	Thuế	3			45		KT101		
5	KT341	Kế toán tài chính 1	3			45		KT106		
6	KT103	Quản trị học	3			45				
7	KT301	Kinh tế vi mô 2	3	3		45		KT101		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
8	KT302	Kinh tế vĩ mô 2	3	3		45		KT102		
9	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	<b>390</b>				
<b>Học kỳ 2 – Năm thứ 3</b>										
1	KT319	Kinh tế tài nguyên	3	3		45		KT101		
2	KT114E	Kinh tế công cộng	3	3		45		KT101		
3	KT303E	Kinh tế quốc tế	3	3		45		KT102		
4	KT306E	Kinh tế lao động	3	3		45				
5	KT201	Quản trị dự án	2	2		30				
6	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3		6	45		KT101		SV tự chọn
7	KT305	Kinh tế môi trường	3			45				
8	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3			45		KT103		
9	KT321	Nghiên cứu marketing	3			45		KT104		
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	<b>390</b>				
<b>Học kỳ 1 – Năm thứ 4</b>										
1	KT304	Kinh tế sản xuất	3	3		45		KT101		
2	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế	3	3		45				
3	KT310E	Phân tích chính sách kinh tế	3	3		45		KT101, KT102		
4	KT270E	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2		30				
5	KT134	Thực tập ngành Kinh tế	2	2			60			
6	KT326	Tài chính công	2		7	30				SV tự chọn
7	KT308	Quản trị tài chính	3			45		KT111		
8	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3			45		KT105		
9	KT329E	Thị trường chứng khoán	3			45		KT308		
10	KT438	Chuyên đề kinh tế học	2				60	KT109		
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>13</b>	<b>7</b>	<b>330</b>	<b>120</b>			
<b>Học kỳ 2 – Năm thứ 4</b>										
1	KT331	Luận văn tốt nghiệp Kinh tế	10		10			≥ 105 TC		SV tự chọn
2	KT290	Tiểu luận tốt nghiệp Kinh tế	4					≥ 105 TC		
3	KT420E	Dự báo kinh tế	3							
4	KT346	Quản trị chiến lược	3							
5	KT284E	Kinh tế học quản lý	2							
6	KT309	Tài chính quốc tế	3							
		<b>Cộng</b>	<b>10</b>		<b>10</b>					
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>141</b>	<b>97</b>	<b>44</b>					

#### 4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao	Trung tâm Giáo dục

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		và An ninh 2 (*)		gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiên công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ,... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ,... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng;... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 5 cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 6 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
20	ML014	Triết học Mác -Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính Trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính Trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính Trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945- 1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính Trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Môn học gồm 6 chương trình bày 2 những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính Trị
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
26	TN010	Xác suất thống kê	3	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về định nghĩa và công thức tính xác suất, giúp người học phân tích vấn đề và tính được khả năng xảy ra của từng trường hợp trong vấn đề. Tính được tham số đặc trưng của các biến ngẫu nhiên như trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, mode. Thống kê mô tả, ước lượng tham số và kiểm định các giả thuyết thống kê.	Khoa Khoa học Tự nhiên
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Sinh viên phải có một cách nhìn hệ thống về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân đối với hàm một biến và hàm nhiều biến. Đồng thời chỉ rõ các khả năng và lĩnh vực ứng dụng của nội dung học phần, soi sáng các vấn đề có liên quan trọng lĩnh vực đại số tuyến tính, giải tích,... tạo điều kiện cho sinh viên học tốt các học phần có liên quan.	Khoa Kinh tế
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	Học phần giúp người học nắm vững nguyên tắc, mục đích, chưa năng giao tiếp và ý nghĩa của việc giao tiếp tốt để thực hiện giao tiếp tốt và giao tiếp có văn hóa các kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng từ chối, kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại và giao tiếp bằng thư tín.	Khoa Kinh tế
29	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014E	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận hành của thị trường hàng hóa, dịch vụ; lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp. Học phần còn trình bày hành vi của doanh nghiệp trong các cơ cấu thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền và độc	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				quyền nhóm. Các kiến thức này nhằm cung cấp nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.	
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần kinh tế vĩ mô 1 bao gồm các nội dung liên quan đến các niệm, công thức và cách thức sử dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Hơn thế, học phần còn cung cấp cho sinh viên các phương trình kinh tế, các mô hình kinh tế và cách thức phân tích sự vận động và tương tác của chúng đối nền kinh tế trong dài hạn. Sau cùng, sinh viên được tiếp cận các mô hình kinh tế cơ bản để phân tích nguyên nhân biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn.	Khoa Kinh tế
34	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức thu thập, tổng hợp, trình bày trong thống kê; Các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp chỉ số, phương pháp thống kê suy luận và xây dựng mô hình hồi quy. Sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế thông qua kết quả thống kê qua kết quả thống kê, kết quả xử lý của phần mềm thống kê.	Khoa Kinh tế
35	KT106	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề cơ bản về kế toán, Tài sản và Nguồn vốn trong doanh nghiệp, Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép, Phương pháp tính giá các đối tượng kế toán, Phương pháp kiểm kê, Phương pháp chứng từ, Kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất, các hình thức kế toán.	Khoa Kinh tế
36	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế là học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế. Nội dung học phần gồm: (1) tổng quan về nghiên cứu khoa học, (2) vấn đề nghiên cứu, (3) phương pháp nghiên cứu định tính, (4) phương pháp nghiên cứu định lượng, (5) phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, (6) đề cương nghiên cứu, (7) chọn mẫu trong nghiên cứu định lượng, 8) đo lường và thu thập dữ liệu định lượng, và (9) trình bày kết quả nghiên cứu.	Khoa Kinh tế
37	KL369	Luật kinh tế	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về các loại thương nhân, về hợp đồng thương mại, về các hình thức giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp, Hợp tác xã. Trong đó, Phân pháp luật về doanh nghiệp giúp sinh viên hiểu và nắm vững những vấn đề về thành lập, giải thể, về đặc điểm, cơ cấu tổ chức các loại hình doanh nghiệp như Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân. Bên cạnh đó, những vấn đề về giao kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, đề nghị giao kết hợp đồng, chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng cũng được truyền tải đến sinh viên. Mặt khác, những quy định về giải quyết tranh chấp thương mại bằng các hình thức như Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài thương mại và Tòa án cũng được đề cập đến. Phần nội dung cuối cùng giúp sinh viên hiểu những quy định pháp luật về phá sản như nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, trình tự thủ tục phá sản, thứ tự phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.	Khoa Luật
38	KT107	Toán kinh tế 2	2	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân, phương trình sai phân, lý thuyết chuỗi, chuỗi tiền tệ. Đồng thời chỉ rõ các khả năng và lĩnh vực ứng dụng của nội dung học phần, soi sáng các vấn đề có liên quan trọng lĩnh vực phương trình vi phân, phương trình sai phân và lý thuyết chuỗi, tạo điều kiện cho sinh viên học tốt các học phần có liên quan.	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
39	KT113	Kinh tế lượng	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy: ước lượng, diễn giải, kiểm định và dự báo. Học phần còn trình bày việc xử lý các vấn đề trong phân tích hồi quy đối với các loại số liệu không gian (cross-section data) và chuỗi thời gian (time-series data). Song song với học lý thuyết, sinh viên còn được hướng dẫn xử lý các vấn đề về kinh tế lượng trong máy tính và thực hiện các nghiên cứu khoa học dưới các bài tập nhóm.	Khoa Kinh tế
40	KT118E	Kinh tế học hành vi	3	Sinh viên sẽ được học các vấn đề cơ bản của kinh tế học hành vi: hiệu ứng hàng đã có (endowment effect), độ lệch về nguyên trạng (status quo bias), thái độ đối với rủi ro (risk attitude), hiệu ứng mỏ neo (Anchoring effect), hiệu ứng khung (framing effect), các sở thích xã hội (social preferences). Đồng thời sinh viên còn được trang bị phương pháp thực nghiệm trong kinh tế. Sinh viên sẽ thực hiện các nghiên cứu theo nhóm về hành vi ra quyết định của con người.	Khoa Kinh tế
41	KT115	Kinh tế phát triển	3	Môn học này giới thiệu đến các sinh viên những lý thuyết và ứng dụng ở các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế ở các nước đang phát triển. Phương pháp trọng tâm là phương pháp so sánh và phân tích xuyên quốc gia về các vấn đề đương đại và những lựa chọn chính sách khác nhau mà các nước thu nhập thấp và trung bình phải đối mặt trong bối cảnh của nền kinh tế toàn cầu. Môn học bắt đầu với các nguyên tắc và khái niệm về phát triển kinh tế. Chúng ta sẽ xem xét việc lựa chọn các vấn đề và chính sách hiện đại ở các nước đang phát triển bao gồm nghèo đói, thu nhập, bất bình đẳng, phát triển nông nghiệp, giới tính, thương mại, viện trợ và hoạt động của chính phủ. Tìm hiểu và phân tích các nguồn lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế của một quốc gia bao gồm lao động, vốn, tài nguyên thiên nhiên và tiến bộ khoa học công nghệ.	Khoa Kinh tế
42	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	Môn học Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề là học phần thuộc nhóm kỹ năng mềm. Vì vậy, mục tiêu của môn học nhằm phát triển kỹ năng tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề của người học. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phương pháp tư duy và nguyên tắc giải quyết vấn đề. Bên cạnh, vì là học phần kỹ năng mềm nên quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học, thuyết trình sản phẩm sáng tạo, đánh giá và đề xuất gợi ý giải pháp cho các hoạt động tư duy giữa các nhóm với nhau.	Khoa Kinh tế
43	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	Nội dung môn Tài chính – Tiền tệ nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về các phạm trù: Tài chính, Tiền tệ, Tín dụng, Ngân sách nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Thị trường tài chính, Hệ thống ngân hàng và Chính sách tiền tệ.	Khoa Kinh tế
44	KT330	Thuế	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về Thuế, các yếu tố cấu thành Luật Thuế; nội dung và cách tính toán các loại Thuế hiện hành trong hệ thống Thuế tại Việt Nam: Giá trị gia tăng, Tiêu thụ đặc biệt, Xuất nhập khẩu, Bảo vệ môi trường, Tài nguyên, Thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập cá nhân và công tác quản lý Thuế tại Việt Nam.	Khoa Kinh tế
45	KT341	Kế toán tài chính 1	3	Học phần Kế toán tài chính 1 bao gồm các nội dung sau: Kế toán tài sản cố định, kế toán nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN), kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				sản phẩm công nghiệp, kế toán tiêu thụ thành phẩm - xác định và phân phối kết quả kinh doanh.	
46	KT103	Quản trị học	3	Học phần Quản trị học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	Khoa Kinh tế
47	KT301	Kinh tế vi mô 2	3	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế như bản chất và cách tối đa hóa lợi nhuận trong thị trường cạnh tranh độc quyền, bản chất và cơ chế vận hành của thị trường vốn và thị trường lao động, cũng như bản chất và cơ chế vận hành của thị trường bảo hiểm rủi ro.	Khoa Kinh tế
48	KT302	Kinh tế vĩ mô 2	3	Sinh viên sẽ được truyền đạt các kiến thức liên quan tới việc giải thích sự biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn, nền kinh tế mở, thất nghiệp và lạm phát và chính sách ổn định nền kinh tế của chính phủ.	Khoa Kinh tế
49	KT104	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, tầm quan trọng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nhằm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được bốn phối thức quan trọng trong việc phân tích và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.	Khoa Kinh tế
50	KT319	Kinh tế tài nguyên	3	Kinh tế tài nguyên nhằm ứng dụng các nguyên tắc kinh tế học vào việc nghiên cứu quản lý và sử dụng tài nguyên hợp lý, được phân loại theo hai nhóm tài nguyên có thể tái tạo và tài nguyên không thể tái tạo. Nội dung môn học bao gồm các phần: Các khái niệm kinh tế cần thiết để nghiên cứu việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, các nguyên tắc quản lý tài nguyên và môi trường, sử dụng và đánh giá đất và nước, tài nguyên không thể phục hồi như khoáng sản, mô hình khai thác và sử dụng dầu và khí tự nhiên, và tài nguyên có thể phục hồi như thủy sản và rừng.	Khoa Kinh tế
51	KT114	Kinh tế công cộng	3	Sinh viên sẽ được học các khái niệm cơ bản về kinh tế học khu vực công, các cơ sở kinh tế xã hội cho sự can thiệp của chính phủ; các vấn đề ngoại ứng, hàng hóa công cộng và tác động của thuế.	Khoa Kinh tế
52	KT303E	Kinh tế quốc tế	3	Nội dung của quyển giáo trình được chia làm 08 chương, tập trung chủ yếu vào các học thuyết thương mại quốc tế, đó là: Lý thuyết trọng thương, lý thuyết lợi thế tuyệt đối, lý thuyết lợi thế so sánh, và lý thuyết lợi thế cạnh tranh. Ngoài ra, các vấn đề cơ bản về tiền tệ quốc tế cũng được giới thiệu ở phần chương 8.	Khoa Kinh tế
53	KT201	Quản trị dự án	2	Môn học Quản trị dự án là học phần nhằm giúp người học có cái nhìn rõ hơn về tầm quan trọng của việc lập và quản lý dự án trước khi triển khai dự án trên thực tế. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các loại dự án,	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				quản lý tổng thể dự án thông qua quá trình tổ chức, quản lý thời gian các công việc trong dự án và quản lý chi phí dự án. Bên cạnh, quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học như trình bày một dự án hoàn chỉnh.	
54	KT306E	Kinh tế lao động	3	Bản chất và nhân tố ảnh hưởng đến quyết định cung lao động trong dài hạn và ngắn hạn. Bản chất và nhân tố ảnh hưởng đến cầu lao động trong dài hạn và ngắn hạn. Cân bằng trên thị trường lao động. Mô hình mạng nhện đối với quyết định cung lao động trong từng ngành nghề cụ thể. Khái niệm dùm trên thị trường lao động. Lao động nhập cư trong mối quan hệ với lao động bản xứ. Quan hệ giữa học vấn và tiền lương.	Khoa Kinh tế
55	KT304	Kinh tế sản xuất	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến lý thuyết và ứng dụng trong kinh tế sản xuất. Những vấn đề có liên quan bao gồm lý thuyết tân cổ điển về sản xuất (neo-classical theory of the firm) và lý thuyết nhị nguyên (duality theory) và những vấn đề kinh tế học cơ bản liên quan khác về kinh tế sản xuất trong nông nghiệp. Các mô hình lý thuyết và các ứng dụng thực tiễn sẽ được thảo luận và trình bày trên lớp và thông qua báo cáo thuyết trình theo nhóm của người học.	Khoa Kinh tế
56	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế	3	Tài liệu giảng dạy học phần được tuyển chọn từ Giáo trình “English for Economics” được biên soạn bởi tác giả có kinh nghiệm trong biên soạn giáo trình tiếng Anh chuyên ngành kinh tế. Mỗi bài học được thiết kế theo từng bước hướng người học đến từng chủ điểm cụ thể, thông qua kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề sẽ giúp người học tiếp cận và phát triển kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, kinh tế nông nghiệp, tài nguyên môi trường.	Khoa Kinh tế
57	KT310E	Phân tích chính sách kinh tế	3	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến các chính sách kinh tế của một quốc gia bao gồm các khái niệm, phân loại chính sách, mô tả quá trình phân tích một chính sách kinh tế cụ thể: hoạch định, tổ chức, thực thi chính sách kinh tế. Người học có kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các mục tiêu nội dung và những ảnh hưởng của chính sách nhằm đưa ra giải pháp phù hợp hơn giúp hoàn thiện chính sách. Người học sẽ hiểu sâu hơn về các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản và các công cụ trong mỗi chính sách được sử dụng giúp ổn định nền kinh tế của các quốc gia bao gồm chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế đối ngoại và chính sách phân phối thu nhập.	Khoa Kinh tế
58	KT270E	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	Học phần trình bày sự hình thành và xu hướng phát triển kế tiếp nhau của các học thuyết kinh tế tiêu biểu. Nội dung học phần cũng trình bày những khác biệt chủ yếu giữa các trường phái kinh tế học nhằm giúp cho người học khái quát được những vấn đề mà khoa học kinh tế giải quyết từ khi xuất hiện như là một ngành khoa học độc lập đến các tư tưởng kinh tế học hiện đại.	Khoa Kinh tế
59	KT134	Thực tập ngành Kinh tế	2	Sinh viên được hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý kinh tế, sở ban ngành hay thực tập tự do với sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách. Trong quá trình thực tập, sinh viên tìm hiểu đối tượng nghiên cứu và hoàn thành báo cáo dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Khoa Kinh tế
60	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3	Môn học Kinh tế nông nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kinh tế và vận dụng những nguyên lý này vào lĩnh vực nông nghiệp để tìm ra các giải pháp cho các vấn đề kinh tế của nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể, môn học giúp sinh viên nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp đối	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				với nền kinh tế. Bên cạnh đó, môn học cũng giúp cho sinh viên có thể vận dụng những nguyên lý kinh tế học cơ bản vào việc giải thích, phân tích sản xuất và thị trường các sản phẩm nông nghiệp, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng đề cập những kiến thức cơ bản về những can thiệp của Nhà nước vào thị trường nông sản.	
61	KT305	Kinh tế môi trường	3	Kinh tế môi trường là môn học nghiên cứu những vấn đề môi trường bằng quan điểm và những công cụ phân tích của kinh tế học. Nội dung học phần gồm có: (1) Kinh tế môi trường là gì?; (2) Mối quan hệ giữa nền kinh tế và môi trường; (3) Lợi ích và Chi phí, Cung và Cầu; (4) Hiệu quả kinh tế và thị trường; (5) Tính toán kinh tế về chất lượng môi trường; (6) Phân tích chi phí lợi ích; (7) Các tiêu chí để đánh giá các chính sách môi trường; (8) Luật trách nhiệm pháp lý, Quyền sở hữu, Thuyết phục đạo đức, Hàng hóa xanh; (9) Tiêu chuẩn; (10) Thuế phát thải và Trợ cấp giảm thải; (11) Giấy phép thải có thể chuyển nhượng.	Khoa Kinh tế
62	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3	Thông qua nội dung môn học, người học hiểu được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong tổ chức, từ đó, sinh viên học được những phương pháp cụ thể để duy trì và sử dụng nguồn nhân lực trong tổ chức như lập kế hoạch, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, động viên và trả công lao động như thế nào cho phù hợp.	Khoa Kinh tế
63	KT321	Nghiên cứu marketing	3	Môn học nghiên cứu marketing giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản của quá trình nghiên cứu marketing. Đồng thời môn học giúp sinh viên biết cách thức tiến hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin thị trường một cách khoa học, phục vụ quá trình ra quyết định kinh doanh. Các phương pháp thu thập số liệu, chọn mẫu, cũng như phương pháp xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê giúp sinh viên tiếp cận giữa lý thuyết và vận dụng trong thực tiễn nghiên cứu marketing. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.	Khoa Kinh tế
64	KT470	Tài chính công	3	Học phần Tài chính công trang bị cho người học những vấn đề tổng quan hoạt động tài chính của khu vực công, một số khái niệm đặc thù của tài chính công và những công cụ dùng để phân tích, đánh giá hiệu quả của các chương trình, dự án và những chính sách thuế của Nhà nước. Chương 1 sẽ trình bày những khái niệm cơ bản (tổng quan) về hoạt động tài chính của khu vực công. Chương 2 sẽ cung cấp cho người học khái niệm và đặc điểm của thu nhập công. Chương 3 sẽ giới thiệu về khái niệm và đặc điểm của chi tiêu công, ngoài ra trong chương này cũng sẽ cung cấp cho người học một khái niệm đặc trưng của khu vực công là hàng hoá công. Chương 4 sẽ trình bày về ngoại tác và cách khắc phục ngoại tác của khu vực tư nhân và khu vực công. Những công cụ dùng để phân tích dự án của khu vực công sẽ được trình bày trong chương 5. Chương 6 sẽ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản để có thể phân tích được các chính sách thuế hiện hành của Chính phủ. Một số nội dung cần được tham khảo sẽ được nêu trong phần tài liệu tham khảo.	Khoa Kinh tế
65	KT308	Quản trị tài chính	3	Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề về quản trị tài chính doanh nghiệp liên quan đến việc ra quyết định đầu tư. Một cách cụ thể, học phần này được cấu trúc thành 7 chương, chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau: (1) Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính; (2) Giá trị thời gian của tiền tệ; (3) Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư tài chính; (4) Định giá trái phiếu	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				và cổ phiếu; (5) Chi phí vốn; (6) Phân tích tài chính dự án và ra quyết định đầu tư.	
66	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	Học phần hướng dẫn cho người học phương pháp thiết lập mô hình toán học bài toán sản xuất kinh doanh với mục tiêu tối ưu lợi nhuận hoặc tối thiểu chi phí trong điều kiện nguồn lực đưa vào sản xuất kinh doanh bị giới hạn. Hướng dẫn người học giải được mô hình bài toán và phân tích được tác động của sự biến động nguồn lực và giá cả thị trường vào bài toán thực tiễn sản xuất. Học phần cung cấp kiến thức toán học trong quản trị sản xuất như giải quyết bài toán vận tải, giải quyết bài toán bố trí cây trồng, bố trí phân công lao động nhằm đạt chi phí thấp nhất hoặc năng suất tối ưu. Ngoài ra, học phần còn giúp người học kiến thức toán học trong xây dựng, tổ chức, quản lý, kiểm soát dự án một cách tối ưu như tính toán thời gian dự án và quản lý tối ưu thời gian, tính toán chi phí dự án và tối thiểu chi phí...	Khoa Kinh tế
67	KT329E	Thị trường chứng khoán	3	Học phần sẽ cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về TTCK, các loại hàng hóa trên TTCK, các tổ chức liên quan đến sự vận hành của TTCK và cách thức tiến hành giao dịch trên TTCK chính thức, đồng thời hướng dẫn SV những phương pháp định giá chứng khoán cơ bản.	Khoa Kinh tế
68	KT438	Chuyên đề kinh tế học	2	Sinh viên được giáo viên hướng dẫn thực hiện các bước chuẩn bị và thực hành viết chuyên đề. Sinh viên cần tham khảo các tài liệu cần thiết và trao đổi với giáo viên hướng dẫn trong quá trình viết chuyên đề.	Khoa Kinh tế
69	KT331	Luận văn tốt nghiệp Kinh tế	10	Sinh viên được hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý kinh tế, sở ban ngành hay thực tập tự do với sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Trong quá trình thực tập, sinh viên tìm hiểu đối tượng nghiên cứu và hoàn thành báo cáo dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Khoa Kinh tế
70	KT290	Tiểu luận tốt nghiệp Kinh tế	4	Sinh viên được hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý kinh tế, sở ban ngành hay thực tập tự do với sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Trong quá trình thực tập, sinh viên tìm hiểu đối tượng nghiên cứu và hoàn thành báo cáo dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Khoa Kinh tế
71	KT420E	Dự báo kinh tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật dự báo cơ bản phục vụ cho công tác dự báo vĩ mô và vi mô. Học phần trình bày các phương pháp/mô hình dự báo định lượng và định tính dựa trên số liệu sẵn có.	Khoa Kinh tế
72	KT346	Quản trị chiến lược	3	Học phần Quản Trị Chiến Lược cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị chiến lược, giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề chiến lược trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
73	KT284E	Kinh tế học quản lý	2	Học phần kinh tế học quản lý bao gồm các nội dung liên quan đến các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết để xây dựng mô hình đo lường năng suất và hiệu quả sản xuất, mô hình biến động của lạm phát và thất nghiệp, mô hình lãi suất và tăng trưởng tín dụng. Ngoài ra, sinh viên còn được giới thiệu mô hình nợ công chính phủ và mô hình tăng trưởng của nền kinh tế.	Khoa Kinh tế
74	KT309	Tài chính quốc tế	3	Nội dung chính của môn học là nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tài chính - tiền tệ quốc tế. Cụ thể: Tìm hiểu về cán cân thanh toán quốc tế; học thuyết về ngang giá sức mua và ngang giá lãi suất; thị trường ngoại hối và sự lưu chuyển vốn quốc tế; thị trường tiền tệ euro.	Khoa Kinh tế

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

## 5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập.

## 6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp/trực tuyến và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp.

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.



**TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG KINH TẾ**



**Lê Khương Ninh**

Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2023  
**TRƯỞNG KHOA KINH TẾ HỌC**

**Quan Minh Nhựt**

**PHỤ LỤC**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**